

Số: /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính
thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 2321/KH-UBND ngày 15/5/2026 của UBND tỉnh về rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thủ tục hành chính nội bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (*Phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Các sở, ban, ngành chuyên môn thuộc UBND tỉnh:

a) Tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố Danh mục các TTHC (cấp tỉnh, cấp xã) sửa đổi về thời hạn giải quyết; Quyết định phê duyệt sửa đổi quy trình nội bộ giải quyết TTHC được công bố nêu trên; hoàn thành **trước ngày 15/8/2026**.

b) Triển khai thực hiện các phương án đơn giản hoá TTHC thuộc thẩm quyền xử lý của Bộ, ngành Trung ương sau khi được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thông qua.

2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- Các Bộ: Y tế, Nội vụ, Công Thương, Tư pháp, Xây dựng, Tài chính, NN&MT, VHTTDL;
- BTV Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TTPVHCC tỉnh: LĐ TT, các phòng;
- Lưu VT, HCC_{Tr,Th}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Bảo

Phụ lục 1

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

A. TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP

I. Lĩnh vực Tư vấn pháp luật

1. Thủ tục Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật (mã số TTHC 1.000404)

1.1. Nội dung đơn giản hoá

- Đề xuất cắt giảm thời gian thực hiện TTHC từ 05 ngày làm việc xuống còn 3,5 ngày làm việc.

Lý do: Đẩy mạnh cắt giảm thời gian giải quyết TTHC; nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện chỉ số cải cách hành chính, mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 02 Thông tư số 30/2025 ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi một số thủ tục hành chính quy định tại các thông tư trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

2. Thủ tục Cấp lại Thẻ tư vấn viên pháp luật (mã số TTHC 1.000390)

2.1. Nội dung đơn giản hoá

- Đề xuất cắt giảm thời gian thực hiện TTHC từ 05 ngày làm việc xuống còn 3,5 ngày làm việc.

Lý do: Đẩy mạnh cắt giảm thời gian giải quyết TTHC; nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện chỉ số cải cách hành chính, mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.

2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 02 Thông tư số 30/2025 ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi một số thủ tục hành chính quy định tại các thông tư trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

B. TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

I. Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. Thủ tục Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói (mã số TTHC 1.014776)

1.1. Nội dung đơn giản hoá

- Đề xuất cắt giảm thời gian thực hiện TTHC từ 12 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

Lý do: Hệ thống giải quyết TTHC thuận lợi và nhanh chóng. Do đó việc cắt giảm thời gian giải quyết TTHC là cần thiết, giúp giảm chi phí thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện thủ tục hành chính.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điểm c, khoản 4, Điều 8, Nghị định 38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026 của Chính phủ quy định về nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Ước tính tần suất giải quyết thủ tục hành chính trong 01 năm là: 03 bộ.
- Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 5.708.544 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 3.329.984 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm sau đơn giản hóa thủ tục hành chính 2.378.560 đồng/năm. Giảm được 41,7% chi phí cho cơ quan thực hiện thủ tục hành chính.

2. Thủ tục Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định Công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính (mã thủ tục: 1.008003)

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc.

Lý do: Hệ thống giải quyết TTHC thuận lợi và nhanh chóng. Do đó việc cắt giảm thời gian giải quyết TTHC là cần thiết, giúp giảm chi phí thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện thủ tục hành chính.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điểm b, Khoản 2, Điều 8 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 25 % so với quy định.
- Tiết kiệm chi phí thực hiện thủ tục hành chính:
 - + Ước tính tần suất giải quyết thủ tục hành chính trong 1 năm là: 02 hồ sơ.
 - + Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 23.845.600 đồng/năm.
 - + Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 18.969.552 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm sau đơn giản hóa thủ tục hành chính: 4.876.048 đồng/năm. Giảm được 20,4 % chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

3. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Mã số TTHC: 1.004363)

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết TTHC là cần thiết, giúp giảm chi phí thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện thủ tục hành chính.

3.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 33,3% so với quy định.

- Tiết kiệm chi phí thực hiện thủ tục hành chính:

+ Ước tính tần suất giải quyết thủ tục hành chính trong 1 năm là: 10 hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 17.184.104 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 12.307.520 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm sau đơn giản hóa thủ tục hành chính: 4.876.584 đồng/năm. Giảm được 28,4% chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực TTHC.

C. TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG

I. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng

1. Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (Mã số TTHC: 1.013217)

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Đề xuất cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống 3,5 ngày làm việc.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện, cắt giảm thời gian chờ đợi cho tổ chức, công dân đến giải quyết TTHC. Bên cạnh đó, tính chất thủ tục hành chính này không quá phức tạp, nên có thể rút ngắn thời hạn giải quyết.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Đề nghị sửa đổi điểm b, khoản 2, Điều 30 Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng:

“b) 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định này;” thành “b) 3,5 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định này;”.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 332.281.250 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 256.943.750 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm 75.337.750 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,67%.

D. TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

I. Lĩnh vực In, Xuất bản và Phát hành

1. Thủ tục Cấp giấy phép Xuất bản Tài liệu không kinh doanh (mã TTHC: 1.003868)

1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc thành 09 ngày làm việc.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện, cắt giảm thời gian chờ đợi cho tổ chức, công dân đến giải quyết TTHC. Bên cạnh đó, tính chất thủ tục hành chính này không quá phức tạp.

1.2 Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi Điểm b, Mục 10 Phụ lục trình tự thủ tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch như sau:

Trong thời gian 09 (chín) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh.

1.3 Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,33%.

II. Lĩnh vực Du lịch

1. Thủ tục Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: Hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch (Mã TTHC: 1.004594)

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Đề xuất cắt giảm thời hạn giải quyết từ 27 ngày thành 26 ngày. (năm trc đã cắt giảm 3 ngày)

Lý do: Nhằm tạo điều kiện, cắt giảm thời gian chờ đợi cho tổ chức, công dân đến giải quyết thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, tính chất thủ tục hành chính này không quá phức tạp, nên có thể rút ngắn thời hạn giải quyết.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi điểm b, Khoản 5, Điều 50 Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017 thành như sau:

"Trong thời hạn 26 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền chủ trì, phối hợp với tổ chức xã hội - nghề nghiệp về du lịch thẩm định và ra quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch; trường hợp không công nhận, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do."

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí và giảm thời gian đi lại cho doanh nghiệp, tăng cơ hội cho doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh đồng thời tăng tính trách nhiệm của cán bộ, công chức giải quyết TTHC. Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%

III. Lĩnh vực Thể dục thể thao

1. Nhóm thủ tục hành chính cấp tỉnh:

- Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo (mã TTHC: 1.001195).

- Thủ tục hành chính 2: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate (Mã TTHC: 1.000904).

- Thủ tục hành chính 3: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo (Mã TTHC: 1.000842).

- Thủ tục hành chính 4: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh (Mã TTHC: 1.000560).

- Thủ tục hành chính 5: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam (Mã TTHC: 1.000544).

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết: Giảm thời gian giải quyết từ 7 ngày làm việc xuống 6 ngày làm việc.

Lý do: Tạo điều kiện, cắt giảm thời gian cho tổ chức, cá nhân trong việc giải quyết thủ tục hành chính được diễn ra nhanh chóng, thuận lợi.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi điểm b, Khoản 2, Điều 55, Luật Thể dục thể thao được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao như sau: "Trong thời hạn sáu ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao; trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do"

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32%

E. TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ

I. Lĩnh vực Đào tạo và Nghiên cứu khoa học

1. Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố (Mã TTHC: 1.004539).

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Nhằm cắt giảm thời gian chờ đợi, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân; đồng thời tính chất thủ tục này không quá phức tạp, có thể rút ngắn thời hạn xử lý.

*1.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 3, Điều 11 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ thành như sau: “Trong thời hạn **10 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tự công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo dấu bưu điện hoặc dấu công văn đến: cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm cập nhật trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan danh sách cơ sở thực hành đáp ứng yêu cầu; trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải có văn bản không đồng ý việc tự công bố gửi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và nêu rõ lý do”.*

*1.3. Lợi ích đơn giản hóa: Tỷ lệ cắt giảm thời gian đạt **33,3%**.*

II. Lĩnh vực Dược phẩm

1. Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.014087.H50 - Đã ủy quyền cho Sở Y tế theo Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 12/9/2025).

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian thực hiện từ 30 ngày xuống còn 21 ngày.

Lý do: Quy trình giải quyết thủ tục hành chính đơn giản, không mất nhiều thời gian. Việc rút ngắn thời gian giải quyết sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân.

1.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi nội dung tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược, như sau: “Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ký duyệt Đơn hàng mua thuốc hoặc cho phép bằng văn bản gửi cơ sở mua hoặc nhượng lại nguyên liệu trong thời hạn 21 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ”.

1.3. Lợi ích đơn giản hóa: Tỷ lệ cắt giảm thời gian đạt 30%.

III. Lĩnh vực Mỹ phẩm

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm (Mã TTHC: 1.003055).

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian thực hiện từ 30 ngày xuống còn 21 ngày.

Lý do: Trong quá trình thực hiện, việc tiếp nhận, phân công xử lý hồ sơ, xây dựng kế hoạch thẩm định và tổ chức đoàn thẩm định có thể được chủ động bố trí ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ; đồng thời qua rà soát quy trình vẫn có thể rút ngắn thời gian xử lý các khâu trong việc luân chuyển hồ sơ, phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn và tổ chức thẩm định thực tế, từ đó rút ngắn thời gian giải quyết mà không ảnh hưởng đến chất lượng thẩm định.

1.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi nội dung tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất mỹ phẩm, thành như sau: “*Trong thời hạn 21 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và phí thẩm định theo quy định, Sở Y tế có trách nhiệm kiểm tra cơ sở sản xuất, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm...*”.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tỷ lệ cắt giảm thời gian đạt 30%.

IV. Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh

1. Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo (Mã TTHC: 1.012257).

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống còn 07 ngày.

Lý do: Nhằm cắt giảm thời gian chờ đợi, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân; đồng thời tính chất thủ tục này không quá phức tạp, có thể rút ngắn thời hạn xử lý.

1.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 4 Điều 83 Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh, thành như sau: “*Trong thời gian 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc đồng ý cho phép tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt hoặc khám bệnh, chữa bệnh lưu động. Trường hợp không đồng ý thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do không đồng ý*”

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tỷ lệ cắt giảm thời gian đạt 30%.

2. Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền (Mã TTHC: 1.012271).

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống còn 21 ngày.

Lý do: Nhằm cắt giảm thời gian chờ đợi, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân; đồng thời tính chất thủ tục này không quá phức tạp, có thể rút ngắn thời hạn xử lý.

2.2. *Kiến nghị thực thi*: Đề nghị sửa đổi điểm b khoản 7 Điều 22 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ về hướng dẫn Luật Khám bệnh, chữa bệnh, thành như sau: “*Cơ quan cấp giấy phép hành nghề thực hiện việc cấp giấy phép hành nghề trong thời hạn 21 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trường hợp không cấp giấy phép hành nghề thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*”.

Trường hợp cần xác minh tài liệu có yếu tố nước ngoài trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề thì thời hạn cấp giấy phép hành nghề là 21 ngày kể từ ngày có kết quả xác minh.”

2.3. *Lợi ích phương án đơn giản hóa*: Tỷ lệ cắt giảm thời gian đạt 30%.

G. TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI CHÍNH

I. Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp

1. Thủ tục Cấp tạm ứng kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị của địa phương (Mã TTHC: 1.010060)

1.1. Nội dung đơn giản hoá

- Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết đối với TTHC này từ 10 ngày làm việc xuống còn 8 ngày làm việc.

Lý do: Rút gọn thời gian giải quyết nhằm giảm khối lượng công việc; tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân; giúp cho việc giải quyết TTHC của cơ quan hành chính nhà nước được thuận tiện và kịp thời.

1.2. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Tiết kiệm thời gian cho tổ chức, đơn vị trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính; tăng cường trách nhiệm của công chức trong việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính. Sau khi cắt giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 10 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc.

- Tiết kiệm chi phí thực hiện thủ tục hành chính:

+ Ước tính tần suất giải quyết thủ tục hành chính trong 01 năm là: 10 hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 109.257.660 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 87.541.014 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm sau đơn giản hóa thủ tục hành chính: 21.491.836 đồng/năm. Giảm chi phí cho tổ chức, đơn vị khi thực hiện thủ tục hành chính.

2. Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương (Mã TTHC 1.007623)

2.1. Nội dung đơn giản hoá

- Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết đối với thủ tục hành chính này từ 10 ngày làm việc xuống còn 8 ngày làm việc.

Lý do: Rút gọn thời gian giải quyết nhằm giảm khối lượng công việc; tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân; giúp cho việc giải quyết TTHC của cơ quan hành chính nhà nước được thuận tiện và kịp thời.

2.2. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Tiết kiệm chi phí thực hiện thủ tục hành chính:

+ Ước tính tần suất giải quyết thủ tục hành chính trong 01 năm là: 10 hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 109.257.660 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 87.541.014 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm sau đơn giản hóa thủ tục hành chính: 21.491.836 đồng/năm. Giảm chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

II. Lĩnh vực Tài chính đất đai

1. Thủ tục Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Mã TTHC 1.012994)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết đối với TTHC này từ 30 ngày xuống còn 20 ngày.

Lý do: Rút gọn thời gian giải quyết nhằm giảm khối lượng công việc; tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân; giúp cho việc giải quyết TTHC của cơ quan hành chính nhà nước được thuận tiện và kịp thời.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi điểm c, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (Lý do sửa đổi: Giảm thời hạn giải quyết TTHC)

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện TTHC; tăng cường trách nhiệm của công chức trong việc thực hiện giải quyết TTHC. Sau khi cắt giảm thời gian giải quyết:

- Tiết kiệm chi phí thực hiện TTHC:

+ Ước tính tần suất giải quyết thủ tục hành chính trong 01 năm là: 10 hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 109.257.660 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 87.541.014 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm sau đơn giản hóa thủ tục hành chính: 21.491.836 đồng/năm. Giảm chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

III. Lĩnh vực Đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Thủ tục Trình tự chuẩn bị dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (Mã TTHC: 1.009491)

1.1. Nội dung đơn giản hoá

- Đề xuất cắt giảm về thời gian giải quyết TTHC: Từ 05 ngày làm việc xuống 03 ngày làm.

Lý do: Do trình tự giải quyết TTHC gồm nhiều bước liên thông, có sự tham gia của Sở Tài chính (trong trường hợp được Chủ tịch UBND tỉnh giao làm cơ quan tiếp nhận, tổng hợp, xem xét hồ sơ) và UBND tỉnh. Đồng thời, nội dung thẩm định hồ sơ dự án phải được tổng hợp trên cơ sở ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan; cơ quan trực tiếp tiếp nhận, tổng hợp, xem xét hồ sơ chỉ được xác định sau khi Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ; do đó giảm bước Cơ quan có thẩm quyền xem xét, trả lời bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/ báo cáo nghiên cứu khả thi trong thời hạn 05 ngày làm việc giảm xuống 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất thực hiện dự án của nhà đầu tư.

1.2. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện TTHC; tăng cường trách nhiệm của công chức trong việc thực hiện giải quyết TTHC. Sau khi cắt giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 05 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc.

- Tiết kiệm chi phí thực hiện TTHC:

+ Ước tính tần suất giải quyết TTHC trong 01 năm là: 10 hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 109.257.660 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 87.541.014 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm sau đơn giản hóa TTHC: 21.491.836 đồng/năm.

2. Thủ tục Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán (Mã TTHC: 1.009492)

2.1. Nội dung đơn giản hoá

- Đối với trình tự đề xuất, thẩm định, phê duyệt dự án BT không yêu cầu thanh toán do nhà đầu tư đề xuất: Thời hạn trả lời bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi và dự thảo hợp đồng: đề xuất cắt giảm từ 05 ngày làm việc còn 03 ngày làm việc.

- Đối với trình tự điều chỉnh nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất:

+ Thời hạn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi: đề xuất cắt giảm từ 15 ngày xuống còn 13 ngày.

+ Thời hạn phê duyệt dự án PPP: đề xuất cắt giảm từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: trình tự giải quyết TTHC gồm nhiều bước liên thông, có sự tham gia của Sở Tài chính (trong trường hợp được Chủ tịch UBND tỉnh giao làm cơ quan tiếp nhận, tổng hợp, xem xét hồ sơ) và UBND tỉnh. Đồng thời, nội dung thẩm định hồ sơ dự án phải được tổng hợp trên cơ sở ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan; cơ quan trực tiếp tiếp nhận, tổng hợp, xem xét hồ sơ chỉ được xác định sau khi Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ do đó giảm thời gian giải quyết như trên.

2.2. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Tiết kiệm chi phí thực hiện thủ tục hành chính:

+ Ước tính tần suất giải quyết TTHC trong 01 năm là: 10 hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 109.257.660 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 87.541.014 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm sau đơn giản hóa TTHC: 21.491.836 đồng/năm.

IV. Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

1. Thủ tục Công bố dự án đầu tư kinh doanh (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất) đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (Mã TTHC: 2.002603)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề xuất cắt giảm từ 21 ngày làm việc còn 18 ngày làm việc

Lý do: Rút gọn thời gian giải quyết nhằm giảm khối lượng công việc; tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân; giúp cho việc giải quyết TTHC của cơ quan hành chính nhà nước được thuận tiện và kịp thời.

1.2. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Tiết kiệm chi phí thực hiện thủ tục hành chính:

+ Ước tính tần suất giải quyết thủ tục hành chính trong 01 năm là: 10 hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 109.257.660 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 87.541.014 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm sau đơn giản hóa thủ tục hành chính: 21.491.836 đồng/năm. Giảm chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

H. TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

I. Lĩnh vực An toàn thực phẩm

1. Thủ tục Đăng ký chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (Mã TTHC 2.001682)

1.1 Nội dung đơn giản hóa

Đề nghị giảm thời gian thực hiện TTHC từ 45 ngày làm việc xuống còn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Thực tế thực hiện TTHC phát sinh không nhiều, có thể rút ngắn thời gian giải quyết; tạo điều kiện thuận lợi cũng như tiết kiệm thời gian, giảm chi phí thực hiện TTHC cho doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi: (1) " Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời gian (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiến hành soát xét hồ sơ. Nếu có yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải có văn bản thông báo cho đơn vị nộp hồ sơ để hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định. Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiến hành đánh giá theo quy định tại Điều 10 Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT." (2) "3. Tổ chức đánh giá cơ sở kiểm nghiệm: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tổ chức đánh giá cơ sở kiểm nghiệm."

1.3. Dự kiến lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí dự kiến: 15,0%.

2. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (Mã TTHC 2.000591)

1.1 Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị giảm thời gian thực hiện TTHC từ 25 ngày làm việc xuống còn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cũng như tiết kiệm thời gian, giảm chi phí thực hiện TTHC cho cá nhân, doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi điểm b, đ, khoản 1, Điều 5, Chương II của Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương thành như sau: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đề nghị sửa đổi: (1) " Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời gian (20) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiến hành soát xét hồ sơ. Nếu có yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải có văn bản thông báo cho đơn vị nộp hồ sơ để hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định. Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiến hành đánh giá theo quy định tại Điều 10 Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-

BYT-BCT-BNNPTNT.” (2) “3. Tổ chức đánh giá cơ sở kiểm nghiệm: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tổ chức đánh giá cơ sở kiểm nghiệm.”.

1.3. Dự kiến lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí dự kiến: 15,0%.

3. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (Mã TTHC 2.000535)

3.1 Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị giảm thời gian thực hiện TTHC từ 25 ngày làm việc xuống còn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cũng như tiết kiệm thời gian, giảm chi phí thực hiện TTHC cho doanh nghiệp.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi điểm b, đ, khoản 1, Điều 5, Chương II của Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương thành như sau:

- Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: *20 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

- Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh: Trong thời hạn *20 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.

3.3. Dự kiến lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí dự kiến: 15%.

Phụ lục 2**NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA CÁC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

I. LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ**1. Thủ tục Công nhận hòa giải viên (mã số TTHC: 1.002211)***1.1. Nội dung đơn giản hoá*

Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: Từ 05 ngày làm việc xuống còn 3,5 ngày làm việc.

Lý do: Đẩy mạnh cắt giảm thời gian giải quyết TTHC; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện chỉ số cải cách hành chính, mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 12 Nghị quyết liên tịch số 01/2024/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở để thực hiện phương án đơn giản hóa nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân; góp phần cải thiện chỉ số cải cách hành chính, mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.

2. Thủ tục Công nhận Tổ trưởng Tổ hòa giải (mã số TTHC: 2.000950)*2.1. Nội dung đơn giản hoá*

Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: Từ 05 ngày làm việc xuống còn 3,5 ngày làm việc.

Lý do: Đẩy mạnh cắt giảm thời gian giải quyết TTHC; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện chỉ số cải cách hành chính, mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.

2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 13 Nghị quyết liên tịch số 01/2024/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở để thực hiện phương án đơn giản hóa nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân; góp phần cải thiện chỉ số cải cách hành chính, mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.

3. Thủ tục Thôi làm hòa giải viên (mã số TTHC: 2.000930)*3.1. Nội dung đơn giản hoá*

Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: Từ 05 ngày làm việc xuống còn 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Đẩy mạnh cắt giảm thời gian giải quyết TTHC; nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện chỉ số cải cách hành chính, mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.

3.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi khoản 2 Điều 14 Nghị quyết liên tịch số 01/2024/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở để thực hiện phương án đơn giản hóa nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân; góp phần cải thiện chỉ số cải cách hành chính, mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.

II. LĨNH VỰC HỘ TỊCH

1. Thủ tục đăng ký lại khai sinh (trường hợp không phải xác minh) (mã số TTHC: 1.004884)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục đăng ký lại khai sinh từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

- Lý do: Qua thực tiễn giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương cho thấy, việc tiếp nhận, kiểm tra, xác minh và giải quyết hồ sơ đăng ký lại khai sinh cơ bản được thực hiện trong thời gian ngắn hơn thời hạn pháp luật quy định; nhiều hồ sơ được giải quyết trước hạn, thậm chí trong ngày đối với các trường hợp hồ sơ đầy đủ, rõ ràng, không phải xác minh nhiều. Do đó, việc cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc là phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, đồng thời không làm ảnh hưởng đến chất lượng, tính chính xác và đúng quy định của quá trình giải quyết hồ sơ.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch, như sau: *Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, xác minh hồ sơ. Nếu việc đăng ký lại khai sinh là đúng theo quy định của pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện đăng ký lại khai sinh như trình tự quy định tại Khoản 2 Điều 16 của Luật Hộ tịch.*

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Hiệu quả cắt giảm: Cắt giảm thời gian: 40%

2. Thủ tục đăng ký lại kết hôn (trường hợp không phải xác minh) (mã số TTHC: 1.004746)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục đăng ký lại kết hôn từ 05 ngày làm

việc xuống còn 03 ngày làm việc

Lý do: Qua thực tiễn giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương cho thấy, việc tiếp nhận, kiểm tra, xác minh và giải quyết hồ sơ đăng ký lại kết hôn cơ bản được thực hiện trong thời gian ngắn hơn thời hạn pháp luật quy định; nhiều hồ sơ được giải quyết trước hạn, thậm chí trong ngày đối với các trường hợp hồ sơ đầy đủ, rõ ràng, không phải xác minh nhiều. Do đó, việc cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc là phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, đồng thời không làm ảnh hưởng đến chất lượng, tính chính xác và đúng quy định của quá trình giải quyết hồ sơ.

2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi quy định tại Khoản 2 Điều 27 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch, như sau: *Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, xác minh hồ sơ. Nếu thấy hồ sơ đăng ký lại kết hôn là đầy đủ, chính xác, đúng quy định pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện đăng ký lại kết hôn như trình tự quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Hộ tịch.*

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Hiệu quả cắt giảm: Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 40%

3. Thủ tục đăng ký lại khai tử (trường hợp không phải xác minh) (mã số TTHC: 1.005461)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục đăng ký lại khai tử từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

- Lý do: Qua thực tiễn giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương cho thấy, việc tiếp nhận, kiểm tra, xác minh và giải quyết hồ sơ đăng ký lại khai tử cơ bản được thực hiện trong thời gian ngắn hơn thời hạn pháp luật quy định; nhiều hồ sơ được giải quyết trước hạn, thậm chí trong ngày đối với các trường hợp hồ sơ đầy đủ, rõ ràng, không phải xác minh nhiều. Do đó, việc cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc là phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, đồng thời không làm ảnh hưởng đến chất lượng, tính chính xác và đúng quy định của quá trình giải quyết hồ sơ.

3.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi quy định tại Khoản 2 Điều 28 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch, như sau: *Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra hồ sơ. Nếu xét thấy các thông tin là đầy đủ, chính xác và việc đăng ký lại khai tử là đúng pháp luật thì báo cáo Chủ*

tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký cấp bản chính trích lục hộ tịch cho người có yêu cầu; ghi nội dung đăng ký lại khai tử vào Sổ hộ tịch, cùng người yêu cầu khai tử ký, ghi rõ họ tên vào Sổ hộ tịch.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đối với người dân: Rút ngắn thời gian chờ giải quyết hồ sơ từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc, giúp người dân sớm nhận kết quả, giảm số lần đi lại, giảm chi phí đi lại và thời gian chờ đợi, đặc biệt đối với người dân ở vùng sâu, vùng xa.

- Đối với cơ quan nhà nước: Nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, phát huy việc ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng của người dân.

- Hiệu quả cắt giảm: Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 40%

4. Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (trường hợp không phải xác minh) (mã TTHC: 1.004772)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

- Lý do: Qua thực tiễn giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương cho thấy, việc tiếp nhận, kiểm tra, xác minh và giải quyết hồ sơ đăng ký khai sinh cho người có hồ sơ giấy tờ cơ bản được thực hiện trong thời gian ngắn hơn thời hạn pháp luật quy định; nhiều hồ sơ được giải quyết trước hạn, thậm chí trong ngày đối với các trường hợp hồ sơ đầy đủ, rõ ràng, không phải xác minh nhiều. Do đó, việc cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc là phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, đồng thời không làm ảnh hưởng đến chất lượng, tính chính xác và đúng quy định của quá trình giải quyết hồ sơ.

4.2. Kiến nghị thực thi

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định: *Trình tự giải quyết, nội dung đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân được thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và*”

Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC đối với thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch, như sau: *Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, xác minh hồ sơ. Nếu việc đăng ký lại khai sinh là đúng theo quy định của pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện đăng ký lại khai sinh như trình tự quy định tại Khoản 2 Điều 16 của Luật Hộ tịch.*

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Hiệu quả cắt giảm: Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 40%.

5. Thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (trường hợp không xác minh) (mã số 1.004873)

5.1. Nội dung đơn giản hoá

- Thời hạn giải quyết: Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Thực tế thực hiện TTHC phát sinh không nhiều, có thể rút ngắn thời gian giải quyết; tạo điều kiện thuận lợi cũng như tiết kiệm thời gian, giảm chi phí thực hiện TTHC cho người dân.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm số ngày tại khoản 3, Điều 22 của Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đối với người dân: Rút ngắn thời gian chờ giải quyết hồ sơ từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc, giúp người dân sớm nhận kết quả, giảm số lần đi lại, giảm chi phí đi lại và thời gian chờ đợi, đặc biệt đối với người dân ở vùng sâu, vùng xa.

- Đối với cơ quan nhà nước: Nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, phát huy việc ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng của người dân.

- Hiệu quả cắt giảm: Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33%.

III. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI

1. Thủ tục Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật (Mã TTHC: 1.001699)

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC từ 25 ngày làm việc xuống còn 20 ngày làm việc.

Lý do: Do quy trình xử lý hồ sơ đã được rà soát, tối ưu hóa; việc phối hợp giữa các bộ phận liên quan được thực hiện hiệu quả hơn, giúp rút ngắn thời gian xử lý nội bộ mà không làm phát sinh chi phí, không ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.

1.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm số ngày tại khoản 2, Điều 5 và khoản 2, Điều 6 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019.

2. Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội (mã số TTHC: 1.014027)

2.1. Nội dung đơn giản hoá

- Giảm thời gian thực hiện TTHC: Từ 10 ngày làm việc xuống còn 8 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Đề xuất giảm 02 ngày làm việc đối với thủ tục trên vì: Thủ tục đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội chủ yếu là văn bản đề nghị của công dân, cơ quan tiếp nhận thực hiện xác thực thông tin qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sẽ rút ngắn thời gian kiểm tra, đối chiếu; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số và giải quyết hồ sơ trên môi trường mạng giúp giảm thời gian luân chuyển hồ sơ giữa các bước; tỷ lệ phát sinh hồ sơ trong tháng không nhiều nên việc rút ngắn 02 ngày làm việc vẫn đảm bảo thời gian để cơ quan thẩm định, xác minh và trình ký quyết định theo quy định.

2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm số ngày tại điểm b, khoản 1, Điều 4 của Nghị định 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội.

2.3. Dự kiến lợi ích của phương án đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính 20%.

IV. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG

1. Thủ tục Cấp giấy xác nhận thân nhân Người có công (mã số TTHC 1.010833)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị giảm thời gian thực hiện TTHC từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Hiện nay, hồ sơ và thông tin người có công, thân nhân người có công đã được số hóa và quản lý trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, xử lý hồ sơ giúp rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan có liên quan. Do đó, việc cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc là phù hợp với thực tiễn, vừa bảo đảm tính khả thi và đáp ứng đầy đủ yêu cầu công tác quản lý nhà nước theo quy định.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi thời gian giải quyết TTHC quy định tại Khoản 2, Điều 116 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng như sau: “*Ủy ban nhân cấp xã nơi thường trú trong thời gian **04 ngày làm việc** kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công...*”

1.3. Dự kiến lợi ích của phương án đơn giản hóa

Tỷ lệ cắt giảm chi phí là 20%

V. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế (Mã TTHC: 1.013855)

(Trường hợp UBND cấp xã cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do UBND cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và có quy mô kinh doanh dưới 200 suất ăn/lần phục vụ).

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Đề xuất cắt giảm thời gian thực hiện từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết dựa trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuẩn hóa quy trình xử lý hồ sơ, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn và năng lực của đội ngũ cán bộ thực hiện; vừa bảo đảm đầy đủ các bước thẩm định theo quy định, vừa giúp tiết kiệm thời gian, nâng cao chỉ số cải cách hành chính và chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn xã/phường.

1.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm số ngày tại Điểm c, d Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.

2. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (mã TTHC: 2.000591)

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

Thời hạn giải quyết: Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ “25 ngày làm việc” thành “15 ngày làm việc”.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức góp phần nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

2.2 Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi khoản 3, Điều 6, chương III của Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 về việc Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- + Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 11,1%.
- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.346.000đồng/năm/ hồ sơ.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.257.000 đồng/năm/hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm: 1.089.000 đồng/năm/hồ sơ.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,8 %.

VI. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP (HỘ KINH DOANH)

1. Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh (mã số TTHC: 2.000720)

1.1. Nội dung đơn giản hoá

- Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Đối với thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh chỉ thực hiện tại Cơ quan đăng ký kinh doanh, không cần trao đổi và chờ phản hồi từ cơ quan thuế. Nên có thể rút ngắn thời gian thực hiện.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm số ngày tại khoản 7, Điều 100 của Nghị định 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

1.3. Dự kiến lợi ích của phương án đơn giản hóa

Cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính 33%.

2. Thủ tục Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh (mã số TTHC 1.014034)

2.1. Nội dung đơn giản hoá

- Kiến nghị bãi bỏ thủ tục trên và nhập các nội dung thuộc thủ tục đưa vào thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh (mã số 2.000720).

- Lý do: Thủ tục có các nội dung tương tự thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh (mã số 2.000720), kiến nghị nhập 2 thủ tục thành 1 thủ tục.

2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi Điều 100, 101 của Nghị định 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ theo hướng nhập 2 thủ tục thành 1.

2.3. Dự kiến lợi ích của phương án đơn giản hóa

Cắt giảm 01 thủ tục hành chính.

3. Thủ tục Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh (mã số TTHC: 1.001266)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Rút ngắn thời hạn giải quyết từ 5 ngày làm việc xuống còn 3 ngày làm việc trong đó: thời hạn của Cơ quan thuế có ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của hộ kinh doanh là 01 ngày làm việc và 02 ngày làm việc đối với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

- Lý do: Tại Điểm c Khoản 1 Điều 104 Nghị định 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về đăng ký doanh nghiệp quy định: “Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông tin về việc hộ kinh doanh đăng ký chấm dứt hoạt động cho Cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin, Cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động nếu không nhận được ý kiến của Cơ quan thuế hoặc nhận được ý kiến của Cơ quan thuế xác nhận hộ kinh doanh đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, đồng thời đăng tải thông báo về việc chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp Cơ quan thuế có ý kiến từ chối do hộ kinh doanh chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo cho hộ kinh doanh biết.” Như vậy, tổng thời gian 5 ngày làm việc để chấm dứt hoạt động kinh doanh là không cần thiết.

VII. LĨNH VỰC XÂY DỰNG

1. Thủ tục cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án) và nhà ở riêng lẻ (mã số TTHC 1.013225).

1.1. Nội dung đơn giản hóa

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Trình tự thực hiện: Đề nghị bổ sung nội dung sau: Trường hợp chủ đầu tư không thể nộp hồ sơ thì có thể ủy quyền bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân khác nộp hồ sơ hộ (giấy ủy quyền này không yêu cầu phải chứng thực chữ ký)

Lý do: Nhằm tăng tính chủ động và linh hoạt cho nhà đầu tư khi nộp hồ sơ.

Lý do: Việc miễn thu lệ phí cấp phép xây dựng mới đối với công trình và nhà ở riêng lẻ thể hiện sự quan tâm, chia sẻ và đồng hành cùng với Doanh nghiệp và người dân trong giai đoạn mới, đồng thời việc miễn thu lệ phí sẽ cắt giảm được toàn bộ quy trình thu tiền, xuất hóa đơn/biên lai, theo dõi sổ sách kế toán, nộp tiền và quyết toán phí, lệ phí, giúp cán bộ tập trung hoàn toàn vào việc thẩm định hồ sơ, nâng cao tốc độ xử lý thủ tục hành chính.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị bổ sung nội dung “Trường hợp chủ đầu tư không thể nộp hồ sơ thì có thể ủy quyền bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân khác nộp hồ sơ hộ (giấy ủy quyền này không yêu cầu phải chứng thực chữ ký) vào trình tự thực hiện thủ tục

được quy định tại tiểu mục 1.1, mục 1, phần B “Thủ tục hành chính cấp xã” ban hành kèm theo Quyết định số 949/QĐ-BXD ngày 17/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động xây dựng theo quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

1.3. Dự kiến lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 14.580.000 đồng/năm (lệ phí thẩm định hồ sơ ước thực hiện 203 hồ sơ nhà ở riêng lẻ và 20 hồ sơ công trình)

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 0 đồng

- Chi phí tiết kiệm sau khi đơn giản hoá thủ tục hành chính: 14.580.000 đồng/năm (lệ phí thẩm định hồ sơ ước thực hiện 203 hồ sơ nhà ở riêng lẻ và 20 hồ sơ công trình)

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

2. Thủ tục cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án) và nhà ở riêng lẻ (mã số TTHC: 1.013229).

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Trình tự thực hiện: Đề nghị bổ sung nội dung sau: Trường hợp chủ đầu tư không thể nộp hồ sơ thì có thể ủy quyền bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân khác nộp hồ sơ hộ (giấy ủy quyền này không yêu cầu phải chứng thực chữ ký)

Lý do: Nhằm tăng tính chủ động và linh hoạt cho nhà đầu tư khi nộp hồ sơ.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị bổ sung nội dung “Trường hợp chủ đầu tư không thể nộp hồ sơ thì có thể ủy quyền bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân khác nộp hồ sơ hộ (giấy ủy quyền này không yêu cầu phải chứng thực chữ ký) vào trình tự thực hiện thủ tục được quy định tại tiểu mục 1.1, mục 1, phần B “Thủ tục hành chính cấp xã” ban hành kèm theo Quyết định số 949/QĐ-BXD ngày 17/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động xây dựng theo quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

2.3. Dự kiến lợi ích của phương án đơn giản hóa

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%

VIII. LĨNH VỰC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (mã số TTHC: 1.013792)

1.1. Nội dung đơn giản hoá

- Thời hạn giải quyết: Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 15 ngày xuống còn 10 ngày.

- Lý do: Thực tế thực hiện TTHC phát sinh không nhiều, có thể rút ngắn thời gian giải quyết; tạo điều kiện thuận lợi cũng như tiết kiệm thời gian, giảm chi phí thực hiện TTHC cho người dân.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm số ngày tại khoản 2, Điều 64 của Nghị định 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng

1.3. Dự kiến lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

IX. LĨNH VỰC VĂN HÓA

1. Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã (mã số TTHC: 1.003622)

1.1. Nội dung đơn giản hoá

- Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 15 ngày xuống còn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Thời gian xử lý hồ sơ 10 ngày làm việc đủ để giải quyết hồ sơ.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm số ngày tại Theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định 110/2018/NĐ-CP.

X. LĨNH VỰC THỂ THAO DU LỊCH

1. Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở (Mã số TTHC: 2.000794)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết từ 5 ngày làm việc xuống còn 3,5 ngày làm việc.

Lý do: Hồ sơ được chuẩn hóa, thông tin được kiểm tra thông qua các cơ sở dữ liệu điện tử, giảm thời gian xử lý.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 2, Thông tư số 16/2025/TT-BVHTTDL ngày 01/12/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

XI. LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO

1. Thủ tục Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm (mã số TTHC: 1.011607).

1.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 15 ngày xuống còn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Những hộ phát sinh thường xuyên hàng năm là những hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và đột xuất do đó cần giảm thời gian giải quyết nhằm hỗ trợ kịp thời những chính sách theo quy định.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi thời gian giảm quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm số ngày tại Khoản 2 Điều 5 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/07/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

XII. LĨNH VỰC KINH DOANH

1. Thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác (mã số TTHC: 2.002639)

1.1. Nội dung đơn giản hoá

- Đề nghị bãi bỏ loại giấy tờ: Nghị quyết hoặc Biên bản họp.

- Lý do: Qua rà soát cho thấy đối với các trường hợp thay đổi thông tin đơn giản như địa chỉ trụ sở, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, website, việc yêu cầu đồng thời Nghị quyết và Biên bản họp có nội dung tương đồng làm phát sinh giấy tờ hành chính không cần thiết.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị bãi bỏ yêu cầu thành phần hồ sơ: Đề nghị nghiên cứu đơn giản hóa hồ sơ theo hướng chỉ yêu cầu một trong hai loại tài liệu đối với các trường hợp thay đổi thông tin hành chính đơn giản.

Được quy định tại Điều 60 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Thủ tục: Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của hộ kinh doanh (mã số TTHC: 1.00570)

2.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Giảm thời gian thực hiện TTHC: Từ 3 ngày làm việc xuống còn 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Rút ngắn từ 3 ngày xuống 2 ngày. Lý do những hồ sơ này chỉ cần ra thông báo của cơ quan nhà nước đến hộ gia đình, thủ tục đơn giản và có thể thực hiện trên Cổng Dịch vụ công, người dân có thể nhận kết quả trực tuyến.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi thời gian giảm quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm số ngày tại căn cứ theo Khoản 1 Điều 206 Luật Doanh nghiệp hiện hành (về tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh).

XIII. LĨNH VỰC NỘI VỤ

1. Thủ tục Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng

chiến bị nhiễm chất độc hóa học (mã số TTHC: 1.010816)

1.1. Nội dung đơn giản hoá

- Thời hạn giải quyết: (xử lý tại UBND xã, phường)

+ Giảm thời gian thực hiện TTHC: Từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, giảm 01 ngày làm việc.

+ Lý do: Hiện nay, việc tiếp nhận, xử lý và thủ tục hồ sơ đã được quy định rõ tại quy trình giải quyết TTHC. Bên cạnh đó, giải quyết thủ tục được thực hiện trên cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công, việc phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn đã được chuẩn hóa, giảm thời gian luân chuyển hồ sơ nội bộ.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm số ngày tại điểm b, khoản 1, Điều 56 của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

2. Thủ tục Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (mã số TTHC: 1.010803)

2.1. Nội dung đơn giản hoá

- Thời hạn giải quyết: (xử lý tại UBND xã, phường)

+ Giảm thời gian thực hiện TTHC: Từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, giảm 01 ngày làm việc.

- Lý do: Hiện nay, việc tiếp nhận, xử lý và thủ tục hồ sơ đã được quy định rõ tại quy trình giải quyết TTHC. Bên cạnh đó, giải quyết thủ tục được thực hiện trên cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công, việc phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn đã được chuẩn hóa, giảm thời gian luân chuyển hồ sơ nội bộ.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm số ngày tại khoản 2, Điều 28 của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

3. Thủ tục Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế (mã số TTHC: 1.010819)

3.1. Nội dung đơn giản hoá

- Thời hạn giải quyết: (xử lý tại UBND xã, phường)

+ Giảm thời gian thực hiện TTHC: Từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, giảm 01 ngày làm việc.

+ Lý do: Hiện nay, việc tiếp nhận, xử lý và thủ tục hồ sơ đã được quy định rõ tại quy trình giải quyết TTHC. Bên cạnh đó, giải quyết thủ tục được thực hiện trên cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công, việc phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn đã được chuẩn hóa, giảm thời gian luân chuyển hồ sơ nội bộ.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm số ngày tại khoản 2, Điều 66 của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

4. Thủ tục Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần (mã số TTHC 1.010824)

4.1. Nội dung đơn giản hoá

Thời hạn giải quyết: (xử lý tại UBND xã, phường)

- Giảm thời gian thực hiện TTHC: Từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, giảm 02 ngày làm việc.

- Lý do: Hiện nay, việc tiếp nhận, xử lý và thủ tục hồ sơ đã được quy định rõ tại quy trình giải quyết TTHC. Bên cạnh đó, giải quyết thủ tục được thực hiện trên cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công, việc phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn đã được chuẩn hóa, giảm thời gian luân chuyển hồ sơ nội bộ.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm số ngày tại khoản 2 và khoản 3 Điều 123 của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

5. Thủ tục Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ (mã số TTHC 1.010814)

5.1. Nội dung đơn giản hoá

Thời hạn giải quyết: (xử lý tại UBND xã, phường)

- Giảm thời gian thực hiện TTHC: Từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, giảm 01 ngày làm việc.

- Lý do: Hiện nay, việc tiếp nhận, xử lý và thủ tục hồ sơ đã được quy định rõ tại quy trình giải quyết TTHC. Bên cạnh đó, giải quyết thủ tục được thực hiện trên cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công, việc phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn đã được chuẩn hóa, giảm thời gian luân chuyển hồ sơ nội bộ.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm số ngày tại khoản 2, Điều 151 của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

6. Thủ tục Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công” (mã số TTHC 1.010777)

6.1. Nội dung đơn giản hoá

Thời hạn giải quyết: (xử lý tại UBND xã, phường)

- Giảm thời gian thực hiện TTHC: Từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, giảm 01 ngày làm việc (cụ thể tại phòng ban chuyên môn giảm từ 04 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc).

- Lý do: Hiện nay, việc tiếp nhận, xử lý và thủ tục hồ sơ đã được quy định rõ tại quy trình giải quyết TTHC. Bên cạnh đó, giải quyết thủ tục được thực hiện trên cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công, việc phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn đã được chuẩn hóa, giảm thời gian luân chuyển hồ sơ nội bộ.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm số ngày tại điểm b, khoản 3 Điều 23 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

7. Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội (mã số TTHC 1.013702)

7.1. Nội dung đơn giản hoá

- Giảm thời gian thực hiện TTHC: Từ 30 ngày làm việc xuống còn 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Do quy trình xử lý hồ sơ đã được rà soát, tối ưu hóa; việc phối hợp giữa các bộ phận liên quan được thực hiện hiệu quả hơn, giúp rút ngắn thời gian xử lý nội bộ 09 ngày làm việc mà không làm phát sinh chi phí, không ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm số ngày tại điểm 4, khoản I, Mục 1, phần II tại phụ lục kèm theo Quyết định số 627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025.

8. Thủ tục Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội (mã số TTHC: 1.013707)

8.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 60 ngày làm việc xuống còn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

* Lý do: Việc rút ngắn thời gian đề nghị trên vẫn đảm bảo cho cơ quan thực hiện thủ tục hành chính có đủ thời gian giải quyết đồng thời giảm bớt thời gian thực hiện.

8.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 32 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

XIV. Nhóm TTHC các lĩnh vực: Bảo trợ xã hội, Người có công, Trẻ em và Dân số.

1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ yêu cầu nộp bản sao Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Sổ hộ khẩu giấy chứng minh nơi cư trú trong thành phần hồ sơ.

Lý do: Đảm bảo thực hiện mục tiêu chuyển đổi số theo Nghị quyết 66.18/2026/NQCP. Các thông tin này được tra cứu và xác thực trực tiếp qua cơ sở dữ liệu dân cư và ứng dụng định danh điện tử VNeID, giúp người dân giảm

bớt giấy tờ rườm rà.

b) Bãi bỏ hoàn toàn việc luân chuyển hồ sơ giấy song song, thực hiện 100% quy trình xử lý và ký số điện tử liên thông trực tiếp từ cấp xã lên cơ quan chuyên môn thành phố.

Lý do: Mặc dù quy trình tuyến tính đã được thiết lập, việc đôi lúc vẫn yêu cầu bản giấy để đối chiếu đã làm phát sinh khâu trung gian vật lý. Số hóa toàn trình sẽ cắt giảm triệt để chi phí in ấn, đi lại và giúp rút ngắn từ 3-5 ngày thời gian chờ đợi quyết định hỗ trợ cho người dân.

2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị Chính phủ sửa đổi quy định về thành phần hồ sơ tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (Bảo trợ xã hội), Nghị định số 131/2021/NĐ-CP (Người có công) và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP (Trẻ em) theo hướng bãi bỏ nộp giấy tờ tùy thân bản giấy.

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 18.500.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15.725.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.775.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15 %.